

MỤC 1: Nhận diện**Định danh sản phẩm****Tên Vật Liệu**

Maintenance Liquid 15

Mô Tả Sản Phẩm

ML015-Z-44 / ML015-Z-B1 / ML015-Z-K1 / ML015-Z-K2

Công dụng của sản phẩm

Dung dịch rửa cho máy in phun.

Dùng trong bảo trì thiết bị in công nghiệp

Các Hạn Chế về việc Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 Japan

Điện thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

MỤC 2: Thành Phần

CAS	Tên thành phần	Phần Trăm
112-15-2	Dietylen glycol monoethyl ete acetat	90-100

Tạp chất và phụ gia ổn định góp phần vào Phân Loại GHS

Không có

MỤC 3: Nhận diện nguy cơ**Phân Loại theo GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)**

Tổn Thương Mất Nghiêm Trọng/Kích Ứng Mạnh cho Mắt - Nhóm 2A

Các thành phần của nhãn**Ký hiệu nguy cơ****Từ Cảnh Báo**

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ**H319** Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.**Biện pháp phòng ngừa****Phòng ngừa****H280** Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.**H264** Rửa cẩn thận sau khi thao tác.**Ứng cứu**



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Maintenance Liquid 15

An Toàn: 037-C275924

Ngày thiết lập: 2021/01/12

Ngày sửa đổi: 2026/09/01

P305+P351+P338 NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

P337+P313 Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

Cất giữ

Không cần gì theo tiêu chí phân loại.

Thải bỏ

P501 Vứt bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ chứa theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế..

Các Nguy Cơ Khác Không Dẫn Đến Phải Phân Loại

Chưa biết.

MỤC 4: Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các Biện Pháp Cần Thiết

Hít phải

Đưa ra nơi không khí trong lành và để nghỉ trong tư thế dễ thở. Liên hệ TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn thấy khó chịu.

Tiếp xúc với da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với mắt

Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm trợ giúp/chăm sóc y tế.

Ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm y tế chăm sóc.

Các Triệu Chứng/Tác Dụng Quan Trọng Nhất

Triệu chứng: Tức Thời

kích ứng mắt

Triệu chứng: Chậm Xảy Ra

Không có thông tin về các tác dụng bất lợi đáng kể.

Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

MỤC 5: Các biện pháp chữa cháy

Chất chữa cháy phù hợp

hóa chất khô thông thường, cacbon dioxyt, nước xịt, bột chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao.

Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Hiểm họa cháy nhỏ. Khói và khí gây kích ứng và/hoặc độc có thể phát ra khi sản phẩm phân hủy.

Trang Bị Bảo Hộ Và Biện Pháp Đề Phòng Cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Tránh xa các đầu của bồn chứa. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy.

Cháy

oxyt của cacbon

MỤC 6: Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Tránh phóng thích ra môi trường.

Các Phương Pháp Ngăn Chặn

Tránh nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bớt hơi bằng cách xịt nước. Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. Lượng tràn đổ lớn: Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.

MỤC 7: Thao tác và bảo quản**Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn**

Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Rửa cẩn thận sau khi thao tác.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Không cần gì theo tiêu chí phân loại.

Thông tin thêm về điều kiện bảo quản: Bảo quản và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Giữ cách ly khỏi các chất tương kỵ.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

axit

MỤC 8: Kiểm soát tiếp xúc/bảo vệ cá nhân**Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc****Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần**

ACGIH, NIOSH, OSHA, AIHA, và Việt Nam chưa xây dựng được giới hạn tiếp xúc cho bất kỳ thành phần nào của sản phẩm này.

EU - Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (98/24/EC) - Giá Trị Giới Hạn Sinh Học Bắt Buộc và Biện Pháp Theo Dõi Sức Khỏe

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho bất kỳ thành phần nào của sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp hệ thống thông hơi . Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

TRANG BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN**Phương tiện bảo vệ mắt/mặt**

Đeo kính bảo vệ chống bắn . Cung cấp khăn rửa mắt khẩn cấp và tắm ướn nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến của người có chuyên môn về sức khỏe và an toàn để được biết các thiết bị thở phù hợp với việc sử dụng của quý vị.

MỤC 9: Các tính chất vật lý và hóa học

Ngoại quan	Chất lỏng không màu	Trạng Thái Vật Lý	dạng lỏng
Mùi	mu`i dung môi	Màu	trong suốt

Ngưỡng Phát Hiện Mùi	Không có	pH	(trung tính)
Điểm Chảy	<-25 °C	Điểm Sôi	Không có
Vùng Nhiệt Độ Sôi	217 °C	Điểm đông	Không có
Tốc Độ Bay Hơi	Không có	Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có
Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy	>360 °C	Điểm Chớp Cháy	116 °C
Giới Hạn Nổ Dưới	0.9 %	Nhiệt Độ Phân Hủy	Không có
Giới Hạn Nổ Trên	8.5 %	Áp Suất Hơi	13 Pa (20 °C)
Tỷ Khối Hơi (không khí = 1)	6.1	Trọng lượng riêng (nước = 1)	Không có
Độ Tan Trong Nước	(Tan hoàn toàn)	Hệ Số Phân Tách: n-octanol/nước	Không có
Độ Nhớt	Không có	Độ tan (trong các chất khác)	tan trong dung môi hữu cơ
Tỷ trọng	1.01 g/cm3 (20 °C)	Trọng Lượng Phân Tử	Không có

Mục 10: Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Độ bền hóa học

Bền ở nhiệt độ và áp suất thường.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các điều kiện cần tránh

Tránh nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Bình chứa có thể bùng nổ hoặc nổ nếu để cho tiếp xúc với nhiệt.

Giữ cách ly khỏi các chất tương kỵ.

Vật Liệu Cần Tránh (Vật Liệu Tương Kỵ)

axit

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

oxyt của cacbon

Mục 11: Thông tin về độc tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

Các thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá sau đây đã được công bố:

Dietylen glycol monoetyl ete acetat (112-15-2)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 11 g/kg

Giá Trị Ước Tính Độ Độc Cấp Tính

qua miệng

> 5000 mg/kg

Các Tác Dụng Tức Thời

kích ứng mắt

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

Không có thông tin về các tác dụng bất lợi đáng kể.

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

Không có thông tin về sản phẩm.

Tổn Thương/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng

kích thích

Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Gây mẫn cảm da

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng gây ung thư**Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần**

Không có thành phần nào của sản phẩm này có tên trong danh mục của ACGIH, IARC, NTP, DFG hoặc OSHA

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ liệu về Khả Năng Gây Ung Bướu

Không có thông tin về sản phẩm.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

Chưa xác định được cơ quan đích nào.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

Chưa xác định được cơ quan đích nào.

Nguy cơ sặc vào phổi

Không được xem là hiểm họa hít phải.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có dữ liệu.

Mục 12: Thông tin về sinh thái**Độc Tính Cho Môi Trường Nước**

Không có dữ liệu độc tính nào trong LOLI (Danh mục của các danh mục) cho các thành phần của sản phẩm này

Độ bền

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng tích tụ sinh học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mạng Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

Các tác dụng có hại khác

Không có thông tin thêm.

Mục 13: Xem xét về việc thải bỏ**Các Phương Pháp Thải Bỏ**

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành..

Thải bỏ bao bì đã bị nhiễm

Các dụng cụ đựng đã cặn có thể còn chứa sản phẩm. Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành..

MỤC 14: Thông tin về vận chuyển

Thông tin về IATA:

Không có phân loại nào được gán.

Thông tin về ICAO:

Không có phân loại nào được gán.

Thông tin về ADR:

Không có phân loại nào được gán.

Thông tin về IMDG:

Không có phân loại nào được gán.

Các Thành Phần Là Chất Ô Nhiễm Biển (IMDG)

Không được quy định là hàng nguy hiểm.

Các biện pháp phòng đặc biệt

Không có thông tin thêm.

MỤC 15: Đặc Điểm Kỹ Thuật và Quy Định Pháp Lý cần Tuân Thủ

Các Quy Định của Việt Nam

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế.

Luật Hóa Chất - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo.

Luật Hóa Chất - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục VI - Hóa Chất Độc.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục VII - Hóa Chất Nguy Hại Cần Xây Dựng Các Biện Pháp Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Maintenance Liquid 15

An Toàn: 037-C275924

Ngày thiết lập: 2021/01/12

Ngày sửa đổi: 2026/09/01

Các Hóa Chất Bị Cấm Nhập và Xuất Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Cấm Nhập Khẩu và Xuất Khẩu.

Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hàng Công Nghiệp Nguy Hiểm Cần Kế Hoạch Ứng Cứu Khẩn Cấp của Việt Nam.

Các Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Nguy Hại Cần Đăng Ký Sử Dụng trong Lĩnh Vực Công Nghiệp của Việt Nam.

Các Hóa Chất Công Nghiệp Thuộc Loại Sản Xuất và Kinh Doanh có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Công Nghiệp Thuộc Loại Sản Xuất và Kinh Doanh có Điều Kiện của Việt Nam.

Các Chất Tiêu Hủy Tầng ozon Cần Giấy Phép và Hạn Ngạch Nhập Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon Cần Giấy Phép Nhập Khẩu và Hạn Ngạch Nhập Khẩu của Việt Nam.

Hóa Chất Độc Được Phép Nhập và Xuất Khẩu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong danh mục Hóa Chất Độc Được Phép Nhập Khẩu và Xuất Khẩu của Việt Nam.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất

Theo Nghị định 24/2026/NĐ-CP, sản phẩm này đã được rà soát... và không thuộc đối tượng quản lý đặc biệt.

Ngoài ra, sản phẩm phải tuân thủ quy định về phân loại, ghi nhãn hóa chất theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP và Nghị định 43/2017/NĐ-CP.

Phân Tích Thành Phần - Danh Mục

Dietylen glycol monoetyl ete acetat (112-15-2)

Ho a Kỳ	Canad a	EU	Úc	pH	JP - ENC S	JP - ISHL	KR KEC I - Phụ Lục 1	KR KECI - Phụ Lục 2	Hàn Quốc - REACH Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) và CCA (Đạo Luật Kiểm Soát Hóa Chất)	Trun g Quốc	New Zealan d	M X	T W
CÓ	Danh Mục Hóa	EI N	C Ó	C Ó	CÓ	KHÔNG	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

	Chất Nội Địa (DSL)												
--	-----------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

MỤC 16: Thông tin khác

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Quy Định về Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; AU - Úc; BOD - Nhu Cầu Oxy Sinh Hóa; C - Celsius; CA - Canada; CA/MA/MN/NJ/PA - California/Massachusetts/Minnesota/New Jersey/Pennsylvania*; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CERCLA (Đạo Luật Tổng Quát về Ứng Cứu, Bồi Thường, và Trách Nhiệm Môi Trường; CFR - Bộ Luật Dựa Trên Các Quy Định Của Liên Bang (Hoa Kỳ); CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; CN - Trung Quốc; CPR - Quy Định về các Sản Phẩm Cần Kiểm Soát; DFG - Quỹ Tài Trợ Nghiên Cứu của Đức Quốc; DOT (Bộ Giao Thông Vận Tải; DSD - Hướng Dẫn về Chất Nguy Hiểm; DSL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa; EC - Ủy Ban Châu Âu; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN - Danh mục của Châu Âu về (Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành); EINECS - Danh mục Hóa Chất Hiện Hành của châu Âu; ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản; EPA - Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường; EU - Liên Hiệp Châu Âu; F - Fahrenheit; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; ICAO - Hiệp Hội Hàng Không Dân Sự Quốc Tế; IDL - Danh Sách Các Thành Phần Công Bố; IDLH - Nguy Hiểm Tức Thời cho Cuộc Sống và Sức Khỏe; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; ISHL - Luật An Toàn và Sức Khỏe Công Nghiệp của Nhật Bản; IUCLID: Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất; JP - Nhật Bản; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; KECI - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Hàn Quốc; KR KECI Annex 1 - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECI)/ Danh Sách Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECL) - Phụ Lục 1 ; KR KECI Annex 2 - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECI)/ Danh Sách Hóa Chất Hiện Hành tại Hàn Quốc (KECL) - Phụ Lục 2 ; KR - Hàn Quốc; LD50/LC50 - Liều Tử Vong/ Nồng Độ Tử Vong; LD50/LC50 - Liều Tử Vong/ Nồng Độ Tử Vong; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LLV - Trị Số Giới Hạn của Nồng Độ; LOLI - Danh Sách các Danh Sách™ - Cơ Sở Dữ Liệu Quy Định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; MX - Mexico; NDSL - Danh Mục Hóa Chất Ngoài Danh Mục Hóa Chất Nội Địa (Canada); NFPA - Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia; NIOSH - Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp; NJTSR - Cơ Sở Dữ Liệu Bí Mật Thương Mại của New Jersey; NTP - Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; NZ - New Zealand; OSHA - Cơ Quan Quản Lý An Toàn Lao Động và Sức Khỏe Nghề Nghiệp; PEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Cho Phép; PH - Philippin; RCRA - Đạo Luật Bảo Tồn & Khôi Phục Tài Nguyên; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Quy Định về Vận Chuyển Đường Sắt tại Châu Âu; SARA - Đạo Luật Sửa Đổi và Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; CCA - Luật Kiểm Soát Hóa Chất Độc của Hàn Quốc; TDG - Quy Định về Vận Chuyển Hàng nguy hiểm; TLV - Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng; TSCA - Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc; TW - Đài Loan; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên; UN/NA - Liên Hiệp Quốc /Bắc Mỹ; US - Hoa Kỳ; VLE - Giá Trị Giới Hạn Tiếp Xúc (Mexico); WHMIS - Hệ Thông Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm Tại Nơi Làm Việc (Canada).

Thông tin khác

Tuyên bố miễn trách:

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.